

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 44/2019/HN-ST

Ngày 19/8/2019

Về việc: “Xin ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.

2. Ông Nguyễn Chí Cường.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Minh Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2019/TLST – HN ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐST – DS ngày 22/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HN ngày 07/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Mn**, sinh năm 1984, địa chỉ: ấp MT, xã PL, huyện TP, tỉnh TG.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thùy M**, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp MT, xã PL, huyện TP, tỉnh TG.

(Tại phiên tòa anh Mn có đơn xin xét xử vắng mặt, chị M vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Mn trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị M chung sống với nhau năm 2005, do tự nguyện có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình hai bên không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, hai bên đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết nhưng không thành, đến tháng 9 năm 2018 tôi về nhà cha mẹ ruột sống nên tôi và chị M thực sự ly thân cho đến nay.

Về con chung: Tôi và chị M có 03 con chung tên Nguyễn Linh P, sinh ngày 19/3/2005; cháu Nguyễn Hoàng L, sinh 11/3/2007 và cháu Nguyễn Hoàng H, sinh 30/7/2012, hiện các cháu đang sống cùng với tôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy M.

Về con chung: Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con chung, tôi không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy M đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước tổng đạt hợp lệ, đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị M không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho tòa án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa cùng ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xác định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn Mn yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy M căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “xin ly hôn”.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã PL, huyện TP, tỉnh TG. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Về tố tụng:

[3.1] Xét thấy anh Nguyễn Văn Mn là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Mn.

[3.2] Chị Nguyễn Thị Thùy M là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước triệu tập họp lệ đến phiên xét xử lần thứ hai nhưng chị M vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị M.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Mn:

[4.1] Về hôn nhân: Anh Mn xin ly hôn với chị M vì trong quá trình chung sống tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Tháng 9 năm 2018, anh Mn về nhà

cha mẹ ruột sống nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Xét mâu thuẫn giữa anh Mn và chị M lúc mới phát sinh là không lớn mặc dù anh chị đã tìm cách khắc phục nhưng không thành, tình trạng mâu thuẫn kéo dài ảnh hưởng và ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng ly thân không có điều kiện hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được. Anh Mn xin ly hôn, Tòa án đã tổng hợp các văn bản tố tụng cho chị M nhưng chị không đến tham dự phiên tòa cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến. Như vậy, cho thấy chị M không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh Mn nên Hội đồng xét xử xét cho anh Mn được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2] Về con chung: Anh Mn xin được tiếp tục trực tiếp nuôi cả ba con chung là cháu Nguyễn Linh P, sinh ngày 19/3/2005; cháu Nguyễn Hoàng L, sinh 11/3/2007 và cháu Nguyễn Hoàng H, sinh 30/7/2012 vì các cháu do anh trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh và chị M ly thân đến nay và nguyện vọng của cả ba cháu cũng muốn được chung sống với anh Mn. Xét anh Mn là người đang trực tiếp chăm sóc cả ba cháu, yêu cầu của anh phù hợp với nguyện vọng của cả ba cháu là muốn sống chung với anh, để đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của các cháu không bị xáo trộn cần để anh Mn tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con chung. Khi cần thiết vì quyền lợi của các cháu anh Mn, chị M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con do anh Mn chưa có yêu cầu nên chị M chưa phải cấp dưỡng, khi cần thiết vì lợi ích của con chung anh Mn có quyền yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Mn không có yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Mn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, chị M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Mn đối với chị Nguyễn Thị Thùy M.

1.1 *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn Mn được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy M.

1.2 *Về con chung*: Giao ba cháu Nguyễn Linh P, sinh ngày 19/3/2005; cháu Nguyễn Hoàng L, sinh 11/3/2007 và cháu Nguyễn Hoàng H, sinh 30/7/2012 cho anh Nguyễn Văn Mn tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. *Về án phí*:

[2.1] Anh Nguyễn Văn Mn phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19833 ngày 23/5/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Vậy anh Mn đã nộp xong án phí.

[2.2] Chị Nguyễn Thị Thùy M không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*:

[3.1] Anh Nguyễn Văn Mn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

[3.2] Chị Nguyễn Thị Thùy M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tòa tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ấn tuyên lúc 09 giờ cùng ngày.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính